

GIẢI PHÁP ĐÀO TẠO NGHỀ GẮN VỚI GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI

Trương Anh Dũng

Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp - Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội
Email: dunggdvt@yahoo.com

Ngày nhận bài: 16/1/2019
Ngày phản biện: 5/2/2019
Ngày duyệt đăng: 5/3/2019

DOI:
<https://doi.org/10.25073/0866-773X/253>

Thực hiện đào tạo nghề cho đồng bào dân tộc thiểu số là một trong những giải pháp cơ bản, thiết thực nhằm giúp cho cộng đồng các tộc người thiểu số có việc làm ổn định, vươn lên thoát nghèo bền vững. Tuy nhiên, sau hơn 10 năm triển khai Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ thì công tác đào tạo nghề, tạo việc làm cho nông dân, người lao động dân tộc thiểu số vẫn còn gặp nhiều khó khăn. Thực tế yêu cầu cần có những giải pháp mang tính đột phá, góp phần nâng cao chất lượng lao động, từng bước phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi bền vững trong bối cảnh đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế

Từ khóa: Giải pháp đào tạo nghề, giải quyết việc làm; Vùng dân tộc thiểu số; Chính sách đào tạo nghề; Lao động nông thôn; Lao động dân tộc thiểu số.

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước ra đã có nhiều chủ trương, chính sách ưu tiên, đầu tư phát triển nguồn nhân lực cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi. Trong đó, chính sách đào tạo nghề cho nông dân, cho đồng bào dân tộc thiểu số đã mang lại những kết quả thiết thực, góp phần vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của vùng dân tộc thiểu số và miền núi. Có thể nói, chính sách đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm cho đồng bào dân tộc thiểu số là một trong những giải pháp căn cơ, thiết thực nhằm giúp cho cộng đồng các tộc người thiểu số có việc làm ổn định, vươn lên thoát nghèo bền vững. Tuy nhiên, sau 10 năm triển khai, thực hiện Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo quyết định số 1956/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ thì công tác đào tạo nghề, tạo việc làm cho đồng bào dân tộc thiểu số vẫn còn gặp nhiều khó khăn, rất cần có những giải pháp thiết thực hỗ trợ đồng bào tự vươn lên, có việc làm, có thu nhập, dần từng bước xóa đói giảm nghèo bền vững cho bản thân và cộng đồng.

I. Thực tiễn thực hiện chính sách đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm vùng dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2016 - 2018

1. Về chính sách hỗ trợ dạy nghề cho người dân tộc thiểu số

Để đạt được chỉ tiêu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, Nhà nước đã có một số chính sách cụ thể để tạo điều kiện và hỗ trợ người lao động học nghề.

Chương trình dạy nghề theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg là một trong số các chính sách đang được triển khai thực hiện. Khu vực có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống thường thuộc vùng khó khăn về điều kiện tự nhiên, hạ tầng cơ sở, trình độ học vấn của người dân và đặc thù về phong tục, tập quán dẫn đến khó khăn trong việc triển khai thực hiện các chính sách, chương trình trong đó có chính sách về đào tạo nguồn nhân lực.

Theo quy định tại Quyết định số 1956/QĐ-TTg, và Quyết định số 971/QĐ-TTg sửa đổi, bổ sung một số nội dung của quyết định số 1956/QĐ-TTg lao động nông thôn là người dân tộc thiểu số là một trong các đối tượng được ưu tiên hỗ trợ dạy nghề. Ngoài ra, người dân tộc thiểu số còn được hỗ trợ học nghề theo các chính sách như: Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp, theo đó học sinh người dân tộc thiểu số được hỗ trợ đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng, cụ thể: Đối tượng được hưởng chính sách nội trú khi tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp gồm: (1) Người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người khuyết tật; (2) Người tốt nghiệp trường phổ thông dân tộc nội trú; (3) Người dân tộc Kinh thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo hoặc là người khuyết tật có hộ khẩu thường trú tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt

khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo. Chính sách nội trú bao gồm: Học bổng chính sách, các khoản hỗ trợ mua đồ dùng cá nhân, hỗ trợ trong dịp Tết Nguyên đán và hỗ trợ đi lại; Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng, trong đó người học nghề là người dân tộc thiểu số được ưu tiên hỗ trợ đào tạo với mức hỗ trợ từ 3-4 triệu đồng/người/khóa học; ngoài ra còn được hỗ trợ tiền ăn với mức 30.000 đồng/người, ngày thực học và tiền đi lại; Nghị định số 134/2006/NĐ-CP ngày 14/11/2006 của Chính phủ quy định chế độ cử tuyển vào các cơ sở giáo dục trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; Quyết định số 2123/QĐ-TTg ngày 22/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Phát triển giáo dục đối với các dân tộc rất ít người giai đoạn 2010-2015; Chính sách hỗ trợ dạy nghề đối với thanh niên người dân tộc thiểu số ở những xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn theo Chương trình 135 (giai đoạn II); Chính sách hỗ trợ chuyên đổi nghề đối với đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo thuộc các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn được hưởng theo quy định tại Quyết định số 755/QĐ-TTg ngày 20/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ; Chính sách hỗ trợ các tổ chức, đơn vị sử dụng lao động thực hiện đào tạo nghề ngắn hạn, hỗ trợ 20% định mức lao động, tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp đối với người dân tộc thiểu số để tuyển dụng vào làm việc tại khu vực miền núi, vùng đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 42/2012/QĐ-TTg ngày 08/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ (đã được sửa đổi bổ sung tại Quyết định số 64/2015/QĐ-TTg ngày 17/12/2015 và Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 58/2017/TT-BTC ngày 13/6/2017) “Ngân sách trung ương hỗ trợ 100% kinh phí về đào tạo, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp cho lao động là người dân tộc thiểu số”. Và một số chính sách đặc thù đối với người học, người dạy ở các tỉnh miền Tây Nam Bộ theo Quyết định số 1033/QĐ-TTg ngày 30/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Chính sách đối với nhà giáo giáo dục nghề nghiệp vùng dân tộc thiểu số

Ngày 20/6/2006, Chính phủ ban hành Nghị định số 61/2006/NĐ-CP về chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục công tác ở trường chuyên biệt, ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, theo đó, nhà giáo giảng dạy tại các trường chuyên biệt (trong đó, bao gồm trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú nhưng không bao gồm cơ sở giáo dục nghề nghiệp dân tộc nội trú) được hưởng chế độ phụ cấp, trợ cấp quy định tại Nghị định số 61/2006/NĐ-CP. Do vậy, nhà giáo giảng dạy trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp dân tộc nội trú không thuộc đối tượng áp dụng của Nghị định nói trên nên không được hưởng chế độ chính sách như những nhà giáo giảng

dạy trong các trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú.

Để đảm bảo quyền lợi cho đội ngũ nhà giáo này, Luật giáo dục nghề nghiệp năm 2014 đã quy định: Nhà giáo trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập được hưởng các chính sách trong đó có “chính sách đối với nhà giáo công tác ở trường chuyên biệt”.

Thực hiện Luật giáo dục nghề nghiệp, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội đang phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo báo cáo Chính phủ cho phép sửa đổi, bổ sung Nghị định số 61/2006/NĐ-CP theo hướng bổ sung loại hình cơ sở GDNN dân tộc nội trú là trường chuyên biệt vào phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 61/2006/NĐ-CP.

3. Kết quả đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho đồng bào dân tộc thiểu số

Thực hiện các chính sách hỗ trợ lao động là người dân tộc thiểu số học nghề, theo báo cáo của các địa phương, số lao động là người dân tộc thiểu số được hỗ trợ đào tạo qua các chương trình là khoảng trên 1,1 triệu người chiếm trên 14 % trong tổng số gần 8 triệu người dân tộc thiểu số trong độ tuổi lao động. Trong đó, tính riêng Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn: Qua 7 năm (2010-2016) đã có trên 690 ngàn người dân tộc thiểu số được hỗ trợ học nghề, chiếm 21,8% tổng số người được hỗ trợ học nghề, bình quân mỗi năm hỗ trợ học nghề cho 98.631 người và bằng 81% tổng số người dân tộc thiểu số được hỗ trợ đào tạo nghề qua các chính sách, chương trình, dự án từ năm 2006 đến nay (690.418/843.246 người). Năm 2017, có 122 ngàn người dân tộc thiểu số được hỗ trợ đào tạo. Có trên 70% số người dân tộc thiểu số học xong có việc làm theo các hình thức được doanh nghiệp tuyển dụng hoặc tiếp tục làm nghề cũ nhưng có năng suất, hiệu quả và thu nhập cao hơn. Thí điểm tổ chức đặt hàng trình độ trung cấp nghề, cao đẳng nghề với 26 cơ sở đào tạo để đào tạo cho 8.555 lao động là người dân tộc thiểu số, thuộc hộ nghèo, hộ gia đình bị thu hồi đất nông nghiệp có khó khăn về kinh tế. Trong 6 tháng đầu năm 2018, có khoảng 400.000 lao động nông thôn học nghề, trong đó 240.000 người được hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng. Số lao động nông thôn là người dân tộc thiểu số được hỗ trợ học nghề 45.500 người, trong đó: Khu vực Trung du và Miền núi Phía Bắc: 15.250 người; Khu Bắc Trung Bộ và Duyên Hải Miền Trung: 7.200 người; Khu vực Tây Nguyên: 4.300 người; Khu vực Tây Nam Bộ: 9.300 người.

Về kết quả đào tạo theo chính sách hỗ trợ nội trú: Trong 2 năm (2016 - 2017), theo báo cáo của 08 bộ, ngành và 46 địa phương có thực hiện chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên, đã hỗ trợ cho 32.005 đối tượng. Trong đó: Người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người khuyết tật là 27.137 người (chiếm 85%). Người tốt nghiệp trường phổ thông dân tộc nội trú là 2.206 người (chiếm 7%).

Người dân tộc kinh thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo hoặc là người khuyết tật có hộ khẩu thường trú tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo là 2.662 người (chiếm 8%). Có 8.608 người học trình độ cao đẳng (chiếm 27%), 23.397 người học trình độ trung cấp. Ngân sách nhà nước đã chi khoảng 256 tỷ đồng (năm 2016 là 120 tỷ đồng và năm 2017 là 136 tỷ đồng) để thực hiện chính sách nội trú cho các đối tượng. Năm 2018 theo báo cáo thì các tổng số đối tượng được hưởng chính sách dự kiến thực hiện là 30.743 người.

Bên cạnh những thành tựu thì công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho người dân tộc thiểu số còn bộc lộ một số tồn tại, hạn chế nhất định như: Số lao động là người dân tộc thiểu số được đào tạo nghề còn thấp mới chiếm trên 14% trong tổng số người dân tộc thiểu số trong độ tuổi lao động. Đa số đồng bào người dân tộc thiểu số mới tham gia học nghề ngắn hạn. Số lao động là người dân tộc thiểu số học nghề trình độ trung cấp, cao đẳng nghề thấp.

Thực tế trên xuất phát bởi các nguyên nhân:

Thứ nhất, nhiều địa phương chưa chú trọng công tác tuyên truyền, tư vấn, vận động người dân tộc thiểu số học nghề; hỗ trợ tìm kiếm việc làm, hướng dẫn vay vốn sau đào tạo và hỗ trợ việc tiêu thụ sản phẩm. Do đó, đồng bào chưa nhìn rõ hiệu quả sau học nghề nên chưa chủ động tham gia các chương trình.

Thứ hai, việc áp dụng kiến thức, kỹ thuật vào sản xuất ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống gặp nhiều khó khăn do các điều kiện địa lý và sự phát triển kinh tế. Sản xuất công nghiệp hạn chế, số lượng doanh nghiệp sản xuất, dịch vụ ít nên nhu cầu sử dụng lao động thấp, khó có điều kiện để người dân chuyển đổi sang lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ sau học nghề. Vì vậy đã không hấp dẫn được người dân tham gia học nghề.

Thứ ba, việc tổ chức lớp cho đồng bào dân tộc gặp nhiều khó khăn do điều kiện giao thông không thuận lợi, trình độ của đồng bào không đồng đều. Một số nơi, cách thức tổ chức lớp học chưa phù hợp với tập quán sản xuất, văn hóa và địa bàn nên chưa thu hút được người dân.

Thứ tư, một số đơn vị thuộc các địa phương chưa nghiên cứu kỹ quy định dẫn đến không cấp kinh phí cho các trường thực hiện chính sách nội trú cho học sinh sinh viên (tỉnh Kiên Giang) với lý do: Sở Tài chính cho rằng chính sách này chỉ dành cho học sinh sinh viên học tại trường Trung cấp nghề Dân tộc nội trú ở một số tỉnh. Sở Tài chính hướng dẫn trước mắt chỉ thực hiện các chính sách theo chuẩn hộ nghèo đối với hộ nghèo theo tiêu chí thu nhập. Do đó, những đối tượng thuộc hộ nghèo theo tiêu chí thiếu hụt dịch vụ xã hội và hộ cận nghèo chưa được xét hưởng chính sách nội trú theo quy định.

II. Giải pháp nâng cao chất lượng, số lượng và đào tạo gắn với việc làm đối với người dân tộc thiểu số giai đoạn tới

1. Giải pháp chung

Trong thời gian tới, các Ban ngành và các địa phương cần tiếp tục quán triệt và thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 19-CT/TW ngày 05/11/2012 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng về công tác dạy nghề cho lao động nông thôn và các Chính sách đã được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành. Đồng thời, kiên quyết thực hiện yêu cầu và nguyên tắc chỉ đạo thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn là: Chỉ tổ chức đào tạo nghề cho lao động nông thôn, khi dự báo được nơi làm việc và mức thu nhập sau khi học nghề.

Các địa phương cần rà soát, lựa chọn danh mục nghề đào tạo cho lao động nông thôn trong đó: Nghề nông nghiệp đào tạo cho lao động nông thôn phải gắn với yêu cầu làm nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp tiên tiến hiện đại, thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Nghề phi nông nghiệp phải xuất phát từ nhu cầu của doanh nghiệp, khu công nghiệp, khu chế xuất, các dự án lớn và xuất khẩu lao động để thực hiện chuyên dịch chuyển lao động sang công nghiệp, dịch vụ. Ban hành định mức kinh tế kỹ thuật để xác định đơn giá và tổ chức đặt hàng đào tạo nghề theo kết quả đầu ra là lao động có việc làm, lao động được doanh nghiệp tuyển dụng. Trong đó, trọng tâm là gắn kết giữa đào tạo nghề với nhu cầu tuyển dụng và vị trí việc làm tại doanh nghiệp. Xây dựng hệ thống giáo dục nghề nghiệp mở, đa dạng, linh hoạt và hệ thống chính sách hỗ trợ đào tạo cho các đối tượng chính sách tạo cơ hội, điều kiện thuận lợi cho mọi người có nhu cầu học nghề đều có chương trình học, nơi đào tạo và được học nghề trong nhà trường, học tại doanh nghiệp, học tại nơi làm việc. Vừa làm vừa học, học liên tục, học suốt đời gắn với phong trào xây dựng xã hội học tập.

2. Giải pháp đối với vùng dân tộc thiểu số và miền núi

Một là, chỉ đạo các địa phương làm tốt công tác tuyên truyền, tư vấn học nghề để người dân tộc thiểu số có thêm thông tin, tiếp cận và hiểu rõ chính sách học nghề tại chỗ đối với việc áp dụng kiến thức vào thực tiễn sản xuất, nâng cao năng suất, hiệu quả và thu nhập.

Hai là, tiếp tục rà soát, nghiên cứu đổi mới chính sách đào tạo nghề đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và thực hiện tốt các chính sách đã được ban hành, trong đó tập trung vào các địa phương vùng miền núi phía Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ. Trình Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh một số chính sách dạy nghề cho phù hợp với đặc thù về kinh tế - xã hội, tập quán sản xuất và trình độ của người dân tộc thiểu số.

Ba là, đa dạng hóa các hình thức và cách thức tổ chức lớp dạy nghề phù hợp với điều kiện, phong tục, tập quán sinh sống và sản xuất của đồng bào dân tộc thiểu số. Tổ chức rà soát, hoàn thiện danh mục nghề, chương trình đào tạo, định mức chi phí phù hợp đối với từng nghề để thu hút đồng bào đăng ký học nghề, nâng cao hiệu quả sản xuất tại địa phương.

Bốn là, ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất đối với các trường trọng điểm thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, các trường dạy nghề dân tộc nội trú; ưu tiên kinh phí hỗ trợ lao động nông thôn học nghề tại các địa phương có đông đồng bào dân tộc thiểu số

Năm là, phối hợp trình Chính phủ quy định cụ thể về chính sách đối với nhà giáo giáo dục nghề nghiệp công tác ở vùng chuyên biệt, vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số

Sáu là, hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện chính sách bảo đảm theo đúng

quy định; Hướng dẫn cho các đối tượng thụ hưởng hiểu rõ về các quy định, vai trò, trách nhiệm và quyền lợi của mình trong việc thực hiện chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên

Bảy là, phối hợp với các Bộ, ngành xây dựng và hướng dẫn thực hiện các chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào khu vực miền núi, vùng dân tộc thiểu số. Xây dựng các mối quan hệ chặt chẽ giữa đào tạo nghề nghiệp với doanh nghiệp và thị trường lao động ở các cấp để đảm bảo cho các hoạt động của hệ thống giáo dục nghề nghiệp hướng vào việc đáp ứng nhu cầu của từng ngành, từng lĩnh vực. Đưa doanh nghiệp trở thành một trong những chủ thể tham gia đào tạo nghề nghiệp. Đồng thời, phát triển hệ thống thông tin thị trường lao động để gắn kết đào tạo và sử dụng lao động. Hình thành và tăng cường chất lượng hoạt động của các trung tâm quan hệ doanh nghiệp trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp để làm tốt vai trò cầu nối giữa đào tạo và sử dụng lao động đặc biệt là ở khu vực miền núi./.

Tài liệu tham khảo

Phạm Thành Nghị (2010), *Phát triển con người vùng Tây Bắc*, Nxb. Chính trị Quốc gia.

Nguyễn Đăng Thành (2012), *Phát triển nguồn nhân lực ở vùng dân tộc thiểu số Việt Nam đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*, Nxb. Chính trị Quốc gia.

Hội đồng Dân tộc của Quốc hội (2010), *Giám sát thực hiện chính sách dân tộc trên lĩnh vực giáo dục đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng, quản lý cán bộ dân tộc thiểu số ở nước ta hiện nay*, Nxb. Chính trị Quốc gia.

Tổng cục Dạy nghề (2014), *Mô hình đào tạo nghề cho lao động nông thôn*, Nxb. Chính trị Quốc gia.

VOCATIONAL TRAINING SOLUTIONS ASSOCIATED WITH JOB CREATION IN ETHNIC MINORITY AND MOUNTAINOUS AREAS

Truong Anh Dung

General Department of Vocational Education, Ministry of Labor, Invalids and Social Affairs
Email: dunggdvt@yahoo.com

Received: 16/1/2019
Revised: 24/1/2019
Accepted: 20/2/2019

DOI:
<https://doi.org/10.25073/0866-773X/253>

Abstract: Implementing vocational training for ethnic minorities is one of the basic and practical solutions to help ethnic minority communities have stable jobs and rise to escape poverty in a sustainably way. However, after more than 10 years of implementing the scheme on vocational training for rural workers according to the Prime Minister's Decision No. 1956/QĐ-TTg, the job training and job creation for ethnic minority farmers and laborers still face to many difficulties. In fact, it is necessary to have strategic breakthrough solutions, contributing to improving the quality of labor, gradually developing socio-economic sustainable in ethnic minority and mountainous areas in the context of industrialization, modernization and international integration.

Keywords: Vocational training solutions, job creation; Ethnic minority areas; Vocational training policy; Rural labor; Ethnic minority workers.